

**TOÀ ÁN NHA DA
HUYỆN BUÔN ĐƠN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số:25/2021/HSST

Ngày 12/11/2021

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

**NHA DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHA DA HUYỆN BUÔN ĐƠN-TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Sỹ Thành.

Các hội thẩm nhA dA :

1. Ông Y Đung Knul.
2. Ông Nguyễn Cao Cường.

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quỳnh– Thư ký
Tòa án nhA dA huyện Buôn Đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhA dA huyện Buôn Đơn tham gia phiên tòa: Ông
Nguyễn Tuấn Anh– Kiểm sát viên.

Ngày 12/11/2021, tại trụ sở Tòa án nhA dA huyện Buôn Đơn, tỉnh
Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 37/2021/HSST ngày
26 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/HSST-
QĐ ngày 28 tháng 10 năm 2021, đối với bị cáo: Nguyễn Văn A : sinh năm 1965;
tại tỉnh Thừa Thiên Huế;

Nơi cư trú: T, phường T, TP.B, tỉnh Đắk Lắk.

Quốc tịch: Việt Nam; DA tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Buôn
bán; Trình độ học vấn: 12/12.

Con ông Nguyễn Văn T (liệt sỹ) và bà Dương Thị D (đã chết). Vợ Lương
Thanh B, sinh năm 1970 (đã ly hôn); có 03 con (lớn nhất sinh 1990, nhỏ
nhất sinh năm 2002).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”(có mặt)

+ Người bị hại: Bà Nguyễn Thị T – sinh năm 1969.

Nơi cư trú: Thôn E, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt)

+ ***Người làm chứng:***

- Ông Tạ Quang Đ – sinh năm 1979.

Nơi cư trú: Thôn E, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt)

- Bà Phạm Thị H – sinh năm 1981.

Nơi cư trú: Thôn E, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt)

- Ông Vũ Văn B – sinh năm 1979.

Nơi cư trú: Thôn E, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt)

- Ông Nguyễn Văn T – sinh năm 1980.

Nơi cư trú: Thôn E, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung
vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị T có tình cảm với nhau nên khoảng
tháng 4/2020, A đến chung sống tại nhà bà Nguyễn Thị T như vợ chồng (không

đăng ký kết hôn). Khoảng 11 giờ, ngày 18/4/2021, do nghi ngờ A có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên bà T đã giấu chìa khóa xe máy và điện thoại di động của A. A yêu cầu bà T trả lại điện thoại di động và chìa khóa xe, nhưng bà T không thừa nhận nên A cầm điện thoại của bà T đang để trên bàn trong nhà, mục đích để bà T trả lại điện thoại cho mình, nhưng bà T vẫn không trả nên A cầm điện thoại của bà T đi bộ ra khỏi nhà. Thấy A bỏ đi, bà T điều khiển xe ô tô tải BKS: 47C-23443 đuổi theo sau, yêu cầu A quay lại nhà để nói chuyện, A đồng ý. Khi về đến nhà, hai người tiếp tục xảy ra cãi nhau, bà T bức xúc đập đồ đạc trong nhà của mình và chửi A “Mày là đồ không biết điều, tao cuu mang mày về mà mày lại phản bội tao”, bị bà T chửi A rất bức xúc nhưng không nói gì. Lúc này, bà T yêu cầu A trả điện thoại cho mình, A không trả nên bà T xông đến lục tìm điện thoại trên người A thì bị A đẩy ra, A bỏ đi xuống nhà bếp, lúc này bà T đi theo tiếp tục đòi lại chiếc điện thoại của mình. Thấy vậy, A lấy một cái chày (kích thước dài khoảng 40cm, hình trụ tròn, thường dùng để dũa gia vị trong bếp) cầm bằng tay trái giơ lên dọa bà T, tuy nhiên bà T vẫn không dừng lại mà tiếp tục chửi A và xông đến A để lấy lại điện thoại, lúc này tay phải A giữ điện thoại, tay trái cầm chày giằng co với bà T, khi cả hai người đang giằng co thì bà T vẫn dùng lời lẽ xúc phạm chửi A. Bức xúc trước việc bị bà T xúc phạm, nên A đã dùng chiếc chày đang cầm trên tay trái đánh một phát vào người bà T, do hai bên đang dăng co và do bà T cúi xuống để tránh nên chày trúng vào vùng đầu bên phải bà T làm cho bà T bị ngã đập đầu bên trái xuống nền nhà.

Sau khi đánh bà T, lo bị con cái của bà T phát hiện và đánh lại mình, đồng thời do bị bà T giấu chìa khóa xe máy của mình nên A đã lấy chìa khóa xe ô tô trong túi quần bà T rồi đi ra phía trước sân nhà bà T, lúc này A thấy anh Tạ Quang Đà hàng xóm sát nhà bà T đang ngồi uống nước tại bàn gần hàng rào, A đến gần nói sự việc trên cho anh Đạo biết và nhờ anh Đạo qua xem tình hình, đồng thời A nhờ anh Đ nhấn lại với bà T là A mượn chiếc xe ô tô của bà T để đi giải quyết công việc. Sau khi nghe vậy, nghĩ sự việc A nhờ không nghiêm trọng nên anh Đ không qua nhà bà T kiểm tra ngay mà đi nghỉ trưa. Đến khoảng 13 giờ 00 phút cùng ngày, anh Đ dậy đi ra phía hông nhà mình sát khu vực phòng bếp nhà bà T, lúc nhìn qua cửa sổ bếp nhà bà T thì anh Đ thấy bà T đang nằm dưới nền nhà nên đã gọi ông Vũ Văn B, cũng là hàng xóm sát vách nhà anh Đ qua nhà bà T để xem tình hình, sau đó anh Đ đi gọi anh Nguyễn Văn T ở cùng thôn để nhờ xe ô tô anh T đưa bà T đến Bệnh viện để cấp cứu.

Sau khi bỏ đi, A điều khiển xe đến quán cà phê Vị Đẳng ở đường Mai Hắc Đế, TP.Buôn Ma Thuột và gửi xe tại đây. Sau đó, A gọi điện xin lỗi bà T rồi nhờ con gái ruột là chị Nguyễn Thị Tuyết Ng đến gặp thăm hỏi, trả lại chiếc điện thoại và đưa trước số tiền 5.000.000 đồng để hỗ trợ tiền thuốc men cho bà T. Thời gian sau A liên lạc qua điện thoại cho bà T để xin lỗi bà T và thông báo cho bà T biết nơi gửi xe ô tô trên. Ngày 08/6/2021, A đã đến Cơ quan điều tra đầu thú và khai rõ toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đồng thời giao nộp chiếc xe ô tô BKS: 47C-23443 của bà T lại cho Cơ quan điều tra.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 631/TgT-TTPY, ngày 31/5/2021, của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận thương tích của bà Nguyễn Thị T như sau:

+ Vết thương để lại sẹo nằm ngang thái dương, chằm phải do tác động trực tiếp của vật tày cứng hướng từ sau ra trước, từ trên xuống dưới, từ phải qua trái.

+ Nút sọ trán trái tụ máu dưới màng cứng bán cầu trái, xuất huyết dưới nhện đỉnh trái do tác động trực tiếp của vật tày cứng hướng từ dưới lên trên, từ phải qua trái.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của bà Nguyễn Thị T là 24% (Hai mươi bốn phần trăm). Vật tác động gây ra thương tích: Vật tày cứng.

Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Buôn Đôn đã tạm giữ: 01 (một) chiếc chày, làm bằng gỗ, màu nâu có chiều dài 40cm, hình trụ tròn; 01 xe ô tô biển kiểm soát 47C – 234.43, loại xe tải có mui, nhãn hiệu DONGBEN, số khung CAB6K2109148, số máy AE6K06811001, màu sơn bạc, số loại DB1021.

Kết quả điều tra đã làm rõ việc A lấy chiếc điện thoại của bà T với mục đích để bà T trả lại chiếc điện thoại bà T đã thu giữ của A và việc A lấy xe ô tô mục đích để làm phương tiện đi lại giải quyết công việc cần thiết do bà T đã thu giữ chìa khóa xe máy của A. Hành vi này của A hoàn toàn không có mục đích chiếm đoạt những tài sản này của bà T. Vì vậy, sau khi điều tra xác minh, ngày 26/8/2021 Cơ quan điều tra đã trả chiếc xe ô tô này cho chủ sở hữu bà Nguyễn Thị T

Tại bản cáo trạng số 29/CT-VKS ngày 22/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn truy tố bị cáo Nguyễn Văn A về tội: Cố ý gây thương tích, theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Nguyễn Văn A khai nhận toàn bộ hành vi của mình phù hợp với cáo trạng đã truy tố.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi đánh giá, phân tích chứng cứ buộc tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo. Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn A phạm tội: “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 134; điểm b, e, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A từ 18 tháng đến 24 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 36 tháng đến 48 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo A cho Ủy ban nhân dân phường Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk và gia đình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Đề nghị chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Buôn Đôn đã trả lại cho chủ sở hữu bà Nguyễn Thị T 01 xe ô tô biển kiểm soát 47C – 234.43, loại xe tải có mui, nhãn hiệu DONGBEN, số khung CAB6K2109148, số máy AE6K06811001, màu sơn bạc, số loại DB1021.

+ Đối với 01 chiếc chày, làm bằng gỗ, màu nâu có chiều dài 40cm là công cụ bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội và nay không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy.

- Về trách nhiệm dân sự: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Nguyễn Văn A đã tự nguyện bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị T số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) và trả lại chiếc điện thoại nhãn hiệu: OPPO, phiên bản A15, vỏ màu xanh, bà T đã nhận đủ tiền và điện thoại nên

không yêu cầu gì thêm về phần dân sự và có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt đối với Nguyễn Văn A nên không đề cập giải quyết.

Bị cáo A thừa nhận luận tội và quan điểm xử lý vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai, bị cáo không có ý kiến tranh luận gì thêm nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm có điều kiện phấn đấu trở thành công dân tốt.

Người bị hại bà Nguyễn Thị T xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo A được hưởng án treo. Về phần dân sự, bị cáo A đã bồi thường thỏa đáng nên không yêu cầu gì thêm.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Buôn Đôn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định và không bị ai khiếu nại gì về việc tiến hành các hoạt động tố tụng đối với vụ án nên toàn bộ hoạt động tố tụng, thu thập chứng cứ đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy có đủ cơ sở xác định vào khoảng 11 giờ ngày 18/4/2021, do bức xúc trước việc bị bà Nguyễn Thị T chửi bới, xúc phạm, nên bị cáo Nguyễn Văn A đã dùng chiếc chày đánh một cái vào người bà T, do hai bên đang đang co và do bà T cúi xuống để tránh nên chày trúng vào vùng đầu bên phải bà T làm cho bà T bị ngã đập đầu bên trái xuống nền nhà. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự hiện hành, không những xâm phạm đến thân thể, sức khỏe của người khác mà còn ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội.

Bị cáo hoàn toàn có đủ khả năng nhận thức về tính chất nguy hiểm cho xã hội về hành vi của mình và hậu quả xảy ra nhưng vẫn cố ý dùng cái chày bằng gỗ là hung khí nguy hiểm đánh 01 cái gây thương cho bà T tỷ lệ thương tích 24%.

Xét luận tội của đại diện viện Kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, cần chấp nhận. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn A phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại Điều 134 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng

thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng hung khí nguy hiểm

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình, sau khi gây thương tích cho người bị hại, bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại thỏa đáng cho người bị hại, được người bị hại đã viết đơn bãi nại, sau khi gây án bị cáo đã tự nguyện ra đầu thú. Bị cáo phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do liên tục bị người bị hại chửi bới, xúc phạm. Mặt khác bị cáo có cha đẻ là liệt sỹ Nguyễn Văn T, cháu ruột của Liệt sỹ Nguyễn Văn T đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, mẹ đẻ của bị cáo bà Dương Thị D có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất. Hiện bị cáo là người trực tiếp thờ cúng bà nội là mẹ Việt Nam anh hùng Nguyễn Thị Q và Liệt sỹ Nguyễn Văn T. Do vậy, cần xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, e, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[5] Về áp dụng hình phạt: Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng hình phạt đối với bị cáo và cho bị cáo hưởng án treo là có căn cứ pháp luật và thỏa đáng, HĐXX thấy rằng:

Xét về nhân thân, bị cáo có nhân thân tốt, nhất thời bộc phát phạm tội, có nơi cư trú rõ ràng, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên không cần thiết áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo mà cho bị cáo được tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo, thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

[6] Về các biện pháp tư pháp:

+ Xử lý vật chứng:

- Ngày 06/8/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Buôn Đôn đã trả lại cho chủ sở hữu bà Nguyễn Thị T 01 xe ô tô biển kiểm soát 47C – 234.43, loại xe tải có mui, nhãn hiệu DONGBEN, số khung CAB6K2109148, số máy AE6K06811001, màu sơn bạc, số loại DB1021 là phù hợp qui định tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 1; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, nên cần chấp nhận.

- Đối với 01 chiếc chày, làm bằng gỗ, màu nâu có chiều dài 40cm là công cụ bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần áp dụng qui định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để tịch thu tiêu hủy.

+ Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại thỏa đáng cho bị hại Nguyễn Thị T số tiền 25.000.000đ (Hai

mười lăm triệu đồng). Tại phiên tòa sơ thẩm bà Nguyễn Thị T không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn A phạm tội: “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, e, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1,2,5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A 02(hai) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn A cho Ủy ban nhân dân phường Thắng Lợi, TP.Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 1; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Buôn Đôn đã trả lại cho chủ sở hữu bà Nguyễn Thị T 01 xe ô tô biển kiểm soát 47C – 234.43, loại xe tải có mui, nhãn hiệu DONGBEN, số khung CAB6K2109148, số máy AE6K06811001, màu sơn bạc, số loại DB1021.

- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc chày bằng gỗ, màu nâu có chiều dài 40cm là hung khí bị cáo gây thương tích cho bị hại, hiện không còn giá trị sử dụng (có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/10/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục thi hành án dA sự huyện Buôn Đôn).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn A phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Buôn Đôn;
- Công an huyện Buôn Đôn;
- Cơ quan THAHS huyện Buôn Đôn;
- Chi cục THADS huyện Buôn Đôn;
- P. GĐKT TAND cấp cao Đà Nẵng;
- Bị cáo, bị hại;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Sỹ Thành

- Lru HS;